TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HS-PT
Ngày 09 tháng 02 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Khánh T - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 615/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Nam H, Đỗ Thị Thu M do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 255/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Nam H**; Sinh năm: 1983 tại Long An; Nơi đăng ký HKTT: A N, phường P, Quận A (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ D Park F, khu đô thị V, số B N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Nam H1 và con bà Lê Xuân H2; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ là Đỗ Thị Thu M (là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2022 (có mặt).

2. **Đỗ Thị Thu M** (tên gọi khác: M1); Sinh năm: 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: 1 B, Phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ D Park F, khu đô thị V, số B N,

Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đỗ Văn C và con bà Nguyễn Thị H3; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng là Nguyễn Nam H (là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Nam H, Đỗ Thị Thu M: Luật sư Nguyễn Văn P, Công ty L2 và Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Bị cáo liên quan đến kháng cáo: **Nguyễn Quang T1**; Sinh năm: 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: A N, Phường B, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không (theo Lý lịch bị can); Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Quang M2 (chết) và con bà Nguyễn Phương D; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2022 (vắng mặt).

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần B, trụ sở: 1-4-12 K, Chuo-ku, Chiba-shi, C1, Nhật Bản.

Đại diện theo pháp luật: Ông Katsuhiko K - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền cho Công ty Cổ phần B là ông Nguyễn Hoàng T2, sinh năm: 1985 (vắng mặt);

Thường trú: phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: Chung cư A, P, H H, phường P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/Công ty T8

Trụ sở: 702A Tầng G, Tòa nhà C, A N, Phường H, quận P (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thu M (có mặt).

2/Công ty Chứng khoán B1,

Trụ sở: Tầng H Tòa nhà B, số B Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Kitoh K1 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

3/Công ty T9,

Trụ sở: D N, Phường A, quận P (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L3: Ông Vòng M3, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Chỗ ở: Tổ H, ấp V, xã P, huyện N (nay là xã P), tỉnh Đồng Nai.

4/Ngân hàng TMCP B2 (BV B3), Trụ sở: D N, Phường E, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ngân hàng TMCP B2 - Chi nhánh T10, E L, Phường G, quận T (phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Kha Cẩm P1, sinh năm 1990; chức vụ: Chuyên viên (có mặt)

5/Bà Trần Thị Thu H4, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: T, T, T, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: I đường G, phường B, quận B (phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

6/Ông Võ Thành Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

HKTT: TK 22/5 Tổ E, khu phố F, Nguyễn Cảnh C2, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: G D, Phường B, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

7/Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: 89/4 Đường D, khu phố F, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S), mã số doanh nghiệp 0312739893, đăng ký lần đầu vào ngày 16/04/2014, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 20/11/2020. Vốn điều lệ ban đầu là 2.000.000.000 đồng, do 02 thành viên góp vốn là Đỗ Thị Thu M – Giám đốc, đại diện theo pháp luật, góp 1.400.000.000 đồng, Nguyễn Nam H góp 600.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh buôn bán mỹ phẩm, hàng may mặc, giày dép, buôn bán dụng cụ y tế, khẩu trang y tế… Ngày 21/04/2020, Công ty S tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng. Đến ngày 10/11/2020, Công ty S giảm vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng xuống 10.000.000.000 đồng.

Khoảng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có nhu cầu mua găng tay y tế cho Chính phủ Nhật Bản nên đã nhờ ông Kunihiko K2 - Giám đốc Công ty C4 tìm kiếm đối tác tại Việt Nam nhằm thu mua găng tay y tế phục vụ mục đích kinh doanh. Thông qua nhân viên tên Võ Thành Đ,

tháng 5/2020, ông K2 đã liên hệ Công ty S đàm phán hợp đồng mua bán găng tay y tế. Tại đây, ông K2 gặp gỡ ông Nguyễn Nam H (là chồng của bà Đỗ Thị Thu M - Giám đốc Công ty S), qua đó ông H giới thiệu là con của nguyên thứ trưởng Bộ C5, hiện Công ty S có quan hệ mua bán với Công ty V, do đó có đủ khả năng cung ứng số lượng lớn găng tay y tế cho phía đối tác Nhật Bản. Do tin tưởng vào khả năng cung cấp găng tay y tế của Công ty S, ông K2 đã giới thiệu và được phía Công ty B đồng ý để đàm phán hợp đồng mua bán găng tay y tế với Công ty S thông qua thư điện tử.

Sau đó, Nguyễn Nam H đã cử Nguyễn Quang T1, với vai trò là Giám đốc phát triển thị trường Công ty S, làm đầu mối, liên lạc với ông K2 qua thư điện tử (địa chỉ email:) để đàm phán các điều khoản hợp đồng mua bán găng tay y tế. Kết quả trích xuất dữ liệu từ địa chỉ thư của ông K2 thu được thông tin trao đổi đàm phán hợp đồng giữa ông K2 và Nguyễn Quang T1, trong đó có nội dung mà T1 đưa ra như sau:

+ "*Tới ngày 23/05/2020, SHE MEDICAL đã làm việc được với người đại diện của Công ty V và được xác nhận SHE MEDICAL có thể kí hợp đồng đặt hàng 100.000.000 chiếc găng tay y tế V-GLOVE (với số lượng tùng size S-M-L như mong muốn). Tuy nhiên, SHE MEDICAL và phía Nhật cần phải đáp ứng một số điều kiện do Công ty V đưa ra".* Trong đó có điều kiện She Medical phải chuyển 100.000.000 đồng tiền đặt cọc giữ giá với giá 53 USD/carton.

Ngày 02/6/2020 Công ty B đã chuyển số tiền 4.500 USD vào tài khoản số 0088401018678 của Công ty S, mở tại Ngân hàng TMCP B2 – Phòng giao dịch T.

+ Tiếp theo thư điện tử ngày 23/05/2020 nêu trên, vào ngày 10/6/2020, Nguyễn Quang T1 còn gửi thư điện tử đính kèm bản scan yêu cầu chuyển tiền của Công ty S do bà Đỗ Thị Thu M ký tên, đóng dấu. Trong bản yêu cầu có nội dung: "*Theo yêu cầu của nhà sản xuất V-GLOVE, chúng tôi muốn số tiền trả trước lần 2 là 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ) vì vậy chúng tôi sẽ làm việc với nhà sản xuất để đặt trước số lượng sản phẩm và giá FOB Ho Chi Minh C3 là 59.50 USD/carton. Khách hàng đồng ý rằng nếu khách hàng không ký hợp đồng mua bán và TT 30% số tiền trả trước của hợp đồng đến 11:00AM thứ 3-16/06/2020. SHE MEDICAL sẽ không có trách nhiệm hoàn trả số tiền trả trước lần 02 này*".

Kết quả đàm phán trực tiếp và thông tin trao đổi qua email, ông K2 tin tưởng việc Nguyễn Nam H và Công ty S đã liên hệ được với Công ty V để đặt

mua găng tay y tế cho Công ty B nên vào ngày 11/6/2020, Công ty B đã chuyển tiếp số tiền 200.000 USD vào tài khoản số 0088401018678 của Công ty S, mở tại Ngân hàng TMCP B2 – Phòng giao dịch T.

Tiếp sau đó, vào ngày 12/6/2020, đại diện Công ty S là bà Đỗ Thị Thu M và ông K2 - đại diện Công ty C4 đã tiến hành ký vào hợp đồng mua hàng và phụ lục hợp đồng số SHEMEDICAL-120620-1 do Công ty S soạn thảo. Trong đó, bà Đỗ Thị Thu M ký tên đóng dấu bên bán, ông K2 ký tên đóng dấu bên bảo lãnh, sau đó gửi 06 bản chính hợp đồng này bằng đường bưu điện cho Công ty B tại Nhật Bản. Đồng thời ông K2 còn tiến hành scan hợp đồng mà Công ty S và Công ty C4 đã ký để gửi cho Công ty B qua địa chỉ email: . Nội dung hợp đồng mua bán găng tay y tế SHEMEDICAL-120620-1 ngày 12/6/2020 như sau:

+ Hàng hóa mua bán: Găng tay y tế Vglove Nitrile không bột; Số lượng 100.000 thùng; Kích cỡ: S, M, L chia theo tỷ lệ tương ứng 3/5/2; Tình trạng: mới 100%; Xuất xứ: Nhà máy V1, Việt Nam; Quy cách đóng gói: 100 chiếc/hộp, 10 hộp/thùng, một thùng chứa 1000 chiếc găng tay; Giá trị hợp đồng: 5.950.000 USD (khoảng 137 tỷ đồng).

+ Phương thức thanh toán hợp đồng: Công ty B đặt cọc số tiền 1.580.500 USD trong vòng 02 ngày sau khi ký hợp đồng. H5 tiếp tục thanh toán cho S số tiền 4.369.500 USD còn lại theo từng đợt giao hàng ngay trong ngày nhận được vận đơn của đợt giao hàng. She M có trách nhiệm giao hàng đến cảng C, Thành phố Hồ Chí Minh để xuất đi Nhật Bản. Thời gian giao hàng chia thành 06 đợt: Sau 13-14 ngày kể từ ngày nhận được đặt cọc, She Medical phải tiến hành giao hàng. Đợt 1, số lượng 2.970 thùng, mỗi đợt giao hàng tiếp theo cách nhau 7-8 ngày. Thời hiệu hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và tự thanh lý khi các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng.

Về phía Công ty B, sau khi nhận được bản chính hợp đồng, giám đốc Công ty B là ông Katsuhiko K đã ký tên đóng dấu bên mua trên hợp đồng rồi gửi lại 02 bản cho Công ty S, gửi 02 bản cho Công ty C4. Đối với hợp đồng bản scan nhận qua email, ông Katsuhiko K cũng ký tên đóng dấu rồi scan bản hoàn chỉnh gửi lại cho ông K2 để chuyển tiếp bản scan này cho Công ty S thông qua hộp thư điện tử của T1 nhằm xác nhận việc Công ty B đã ký kết hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng mua bán găng tay, đến ngày 15/6/2020, Công ty B đã chuyển số tiền 1.580.500 USD vào tài khoản của Công ty S, số 0088401018678 mở tại Ngân hàng TMCP B2 - P2. Như vậy, tổng cộng Công ty B đã chuyển số tiền 1.785.000 USD (tương ứng 30% giá trị hợp đồng, quy ra VND là

41.478.246.500 đồng) để đặt cọc hợp đồng nêu trên. Tuy vậy, sau khi chuyển số tiền 1.785.000 USD, đến ngày 01/7/2020 là thời hạn giao hàng đợt 1, Công ty S không tiến hành giao hàng, do đó phía Công ty B đã liên hệ nhưng Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M liên tục nêu lý do khách quan để trì hoãn việc giao hàng. Sau nhiều ngày trễ hạn thực hiện hợp đồng, phía Công ty B đã yêu cầu Công ty S hoàn trả tiền đặt cọc nhưng ông H và bà M cho biết số tiền đặt cọc của Công ty B đã được dùng vào việc xúc tiến ký kết hợp đồng mua găng tay y tế với Công ty CP V, do đó không thể hoàn trả toàn bộ tiền đặt cọc cho Công ty B, chỉ có thể hoàn trả một phần nếu Công ty B tự ý chấm dứt hợp đồng.

Đến ngày 16/10/2020 Công ty B có đơn kêu cứu gửi đến Tổng bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội, Bộ trưởng Bộ C6 tại Nhật Bản. Ngày 02/11/2020, Sở Ngoại vụ Thành phố H có Công văn số 4092/SNV-LS-QHLS gửi Công an Thành phố H về việc công ty S có dấu hiệu lừa đảo. Đến ngày 20/11/2020, Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H gửi phiếu chuyển tố giác tin báo tội phạm đến Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố H.

Căn cứ vào các thông báo số: 168/TB-NHNN, 178/TB-NHNN, 180/TB-NHNN, của Ngân hàng N1 công bố tỷ giá trung tâm của Đ1 với Đô la Mỹ áp dụng vào các ngày 03/06, 12/06 và 15/06/2020, số ngoại tệ 1.785.000USD có giá trị quy đổi sang VND là: 41.478.246.500 đồng.

Xác minh tài khoản của Công ty S mở tại Ngân hàng B2 đã thể hiện vào các ngày 03/6/2020, 12/6/2020, 15/6/2020 công ty S đã nhận số tiền 4.500USD, 200.000USD, 1.580.500 USD do Công ty B chuyển. Và các ngày 15/06/2020, 16/06/2020, 22/6/2020, 23/06/2020, Công ty S đã bán tổng cộng 1.758.000 USD, thu về số tiền: 40.681.620.000 đồng. Sau khi có tiền, M và H không sử dụng số tiền vào việc mua găng tay y tế để cung cấp cho Công ty B mà lại rút tiền, chuyển khoản và sử dụng toàn bộ số tiền nêu trên vào mục đích cá nhân, thanh toán tiền hợp đồng với khách hàng, chi tiền thi công xây dựng, mở sổ tiết kiệm. Cụ thể:

**** Sao kê tài khoản số 0087041016714 của Công ty TNHH S tại Ngân hàng B2:***

- *Tiền vào tài khoản:*

+ Ngày 15/6/2020, có nhận 3.472.500.000 đồng khi bán 150.000 USD

+ Ngày 16/6/2020, có nhận 462.800.000 đồng khi bán 20.000 USD

+ Ngày 22/6/2020, có nhận số tiền 347.100.000 đồng khi bán 15.000 USD

+ Ngày 23/6/2020, có nhận 36.399.220.000 đồng khi bán 1.573.000 USD

Tổng cộng tiền vào tài khoản là 40.681.620.000 đồng

- T3 ra tài khoản:

+ Ngày 15/6/2020, chuyển vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2: 3.472.500.000 đồng.

+ Ngày 16/6/2020, chuyển vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2: 462.800.000 đồng.

+ Ngày 22/6/2020, chuyển vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2: 347.100.000 đồng.

+ Ngày 23/6/2020, chuyển vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2: 10.000.000.000 đồng.

+ Ngày 25/6/2020, bị trừ 23.250.000.000 đồng do mở Chứng thư bảo lãnh tại ngân hàng B2 và đến ngày 06/7/2020 ngân hàng B2 hoàn lại số tiền 23.250.000.000 đồng vào tài khoản công ty S.

+ Ngày 09/7/2020, chuyển vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2: 5.000.000.000 đồng.

+ Ngày 10/7/2020, chuyển tiền mua xe, số tiền 4.867.000.000 đồng.

+ Từ 14-27/7/2020, chuyển tổng cộng 2.700.000.000 đồng vào tài khoản số 0071000908288 của Công ty S1 mở tại V2.

+ Ngày 03 - 05/8/2020, chuyển tổng cộng 700.000.000 đồng vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2.

+ Ngày 05/8/2020, chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản số 624704060067609 của Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng V3.

+ Ngày 6/8/2020, chuyển 2.000.000.000 đồng vào tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2.

+ Ngày 07/8/2020, chuyển 5.000.000.000 đồng vào tài khoản số 624704060067609 của Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng V3.

+ Ngày 14/8/2020, chuyển 4.000.000.000 đồng vào tài khoản 0071000908288 của Công ty S1 mở tại V2.

+ Số tiền 1.832.220.000 đồng còn lại được Đỗ Thị Thu M sử dụng vào nhiều mục đích như Thanh toán Shophouse, thanh toán phí bảo vệ, tạm ứng tiền thi công, trả lương cho nhân viên, T4 tiền Inox décor, chi tiền thi công công trình 327 N, gia hạn phần mềm, chi thanh toán hoặc hoa hồng cho nhiều hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng hợp tác chiến lược,…

+ Số dư tài khoản hiện còn 6.147.700 đồng.

**** Sao kê tài khoản số 0087041016619 của Đỗ Thị Thu M mở tại Ngân hàng B2:***

- *Tiền vào tài khoản:*

+ Ngày 15/6/2020, nhận 3.472.500.000 đồng.

+ Ngày 16/6/2020, nhận 462.800.000 đồng.

+ Ngày 22/6/2020, nhận 347.100.000 đồng.

+ Ngày 23/6/2020, nhận 10.000.000.000 đồng.

+ Ngày 09/7/2020, nhận 5.000.000.000 đồng.

+ Ngày 6/8/2020, nhận 2.000.000.000 đồng.

Tổng cộng nhận 21.282.400.000 đồng.

- *Tiền ra tài khoản:*

+ Ngày 15/06/2020, chuyển số tiền: 1.500.000.000 đồng, mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes S500, biển số 51F-06525.

+ Ngày 15/6/2020, chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng ra khỏi tài khoản.

+ Ngày 15/06/2020, chuyển số tiền: 942.000.000 đồng mua căn hộ M, Thành phố T.

+ Ngày 29/6/2020, tạm ứng cho Nguyễn Quang T1 400.000.000 đồng.

+ Ngày 30/6/2020, mở 02 sổ tiết kiệm, tổng cộng 5.000.000.000 đồng (sau đó đã được tất toán ngày 02/7/2020). Tiền đã chuyển lại vào tài khoản này.

+ Ngày 07/7/2020, chuyển cho Nguyễn Thị H3 (mẹ của M) 784.000.000 đồng để lấy sổ hồng.

+ Ngày 09/7/2020, mở 02 sổ tiết kiệm, tổng cộng 5.000.000.000 đồng (sau đó đã được tất toán ngày 14/8/2020. Tiền đã chuyển lại vào tài khoản này.

+ Ngày 14/8/2020, chuyển số tiền 10.000.000.000 đồng vào tài khoản số 0071000908288 của Công ty S mở tại V2.

+ Số tiền còn lại khoảng 6.656.000.000 đồng, M sử dụng vào nhiều mục đích trong đó: nhiều khoản tiền chuyển nội dung thanh toán hợp đồng hợp tác chiến lược, thanh toán tiền thuê căn hộ 4903 Park F khu đô thị V, thuê nhà N, thanh toán tiền lương và hoa hồng, thanh toán tiền học, nhiều nội dung "My ck", "chi M1 ck",…

+ Số dư hện tại: 3.945.027 đồng.

**** Sao kê tài khoản số 0071000908288 của Công ty S1 mở tại Ngân hàng V2:***

- *Tiền vào tài khoản:*

+ Từ 14-27/7/2020, nhận tổng cộng 2.700.000.000 đồng từ tài khoản Công ty S mở tại ngân hàng B2.

+ Ngày 14/8/2020, nhận 4.000.000.000 đồng từ tài khoản Công ty S mở tại ngân hàng B2 và nhận 10.000.000.000 đồng từ tài khoản Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng B2.

- *Tiền ra tài khoản:*

+ Từ 14/7 - 01/8/2020, dùng thanh toán nhiều khoản như tạm ứng thi công theo hợp đồng xây dựng, thanh toán tiền thi công Inox, thi công máy lạnh, đặt cọc thiết bị vệ sinh, thanh toán đơn hàng, thanh toán bàn ghế sofa, thanh toán đèn chiếu sáng, … Tổng cộng khoảng 2.700.000.000 đồng.

+ Ngày 14/8/2020, Đỗ Thị Thu M rút tiền mặt 13.000.000.000 đồng.

+ Từ ngày 17/8 – 26/8/2020, dùng thanh toán tiền giấy dán tường, thảm trải sàn, thanh toán chi phí thi công dự án, thi công đèn chiếu sáng, đá ốp cầu thang, mua máy chăm sóc da ... Tổng cộng khoảng 837.000.000 đồng.

+ Số dư tài khoản hiện tại còn 5.021.459 đồng.

**** Sao kê tài khoản 624704060067609 của Đỗ Thị Thu M mở tại ngân hàng V3***

- *Tiền vào tài khoản*:

+ Ngày 05/8/2020, nhận 300.000.000 đồng từ tài khoản Công ty S mở tại ngân hàng B2.

+ Ngày 07/8/2020, nhận 5.000.000.000 đồng từ tài khoản Công ty S mở tại ngân hàng B2.

- *Tiền ra tài khoản:*

Ngày 10/8/2020, chuyển 5.000.000.000 đồng vào tài khoản tiết kiệm. Ngày 22/9/2020, tất toán sổ tiết kiệm trên chuyển số tiền 5.018.212.922 đồng.

Từ ngày 22/9/2020 đến 21/10/2020, M chuyển hết số tiền trên ra khỏi tài khoản, chuyển tiền với nhiều nội dung như: "Thu mai ck", "chuyen tien hop tac kinh doanh", "ck thuê nha Nam Ky K", "ck luong thang", …

**** Sao kê tài khoản số 0087041016620 của Nguyễn Nam H mở tại Ngân hàng B2:***

- *Tiền vào tài khoản:*

+ Ngày 15/6/2020, nhận 1.000.000.000 đồng từ tài khoản số 0087041016619 của Đỗ Thị Thu M mở tại Ngân hàng B2.

+ Ngày 19/6 – 03/8/2020, nhận tổng cộng 500.000.000 đồng từ tài khoản số 0087041016619 của Đỗ Thị Thu M mở tại Ngân hàng B2

- *Tiền ra tài khoản:*

+ Ngày 15/06/2020, chuyển số tiền: 900.000.000 đồng, mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes S500, biển số 51F-06525.

+ Số tiền 600.000.000 đồng được chuyển ra khỏi tài khoản với nhiều nội dung "Thanh toán thẻ tín dụng", và cho một số cá nhân với nội dung "Nguyen Nam H6 chuyen tien"

**** Sao kê tài khoản số 0531002475170 của Nguyễn Nam H tại Ngân hàng V2***

Số dư tài khoản hiện tại chỉ còn 8.685.855 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

- Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M khai cùng nội dung: Công ty S do M làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật, H làm Giám đốc điều hành, Nguyễn Quang T1 – Giám đốc phát triển kinh doanh đã cùng tham gia đàm phán, thương thảo mua bán găng tay y tế với đại diện Công ty B. Thời gian đầu đàm phán, H và T1 trực tiếp gặp gỡ đàm phán các điều khoản trong hợp đồng với đại diện của H5 là ông K3 và bà Trần Bích T5. Sau khi kết thúc quá trình đàm phán với H5, H trình bày lại các nội dung đã đàm phán với M, ngày 12/06/2020, M đồng ý sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty S tiến hành ký kết hợp đồng mua bán hàng số SHEMEDICAL-120620-1 với Công ty B, nội dung Công ty S bán cho Công ty B số lượng 100.000 thùng găng tay, do Nhà máy V1 sản xuất, quy cách, quy chuẩn đóng gói được mô tả cụ thể trong hợp đồng. H và M xác nhận, Công ty S đã nhận đủ số tiền cọc 1.785.000 USD như hợp đồng đã ký kết với Công ty B.

Đến ngày 25/06/2020, Công ty S ký kết hợp đồng mua bán găng tay số 25062020-01/LMG-SHE với Công ty TNHH L3 (trụ sở D N, Phường A, quận P, TP .) để có nguồn hàng cung cấp cho H5. Nội dung hợp đồng, Công ty S mua hàng hóa: Găng tay y tế Vglove Nitrile không bột, nhà sản xuất: Công ty CP V; Số lượng 15.000 thùng; Giá trị hợp đồng: 23.250.000.000 đồng; Thời hạn giao hàng: Trong vòng 7 ngày kể từ khi giao hàng. Phương thức thanh toán: She Medical mở thư bảo lãnh thanh toán 100% giá trị hợp đồng tại Ngân hàng B2. Tuy nhiên sau 07 ngày ký hợp đồng, Công ty TNHH L3 không giao được hàng cho She M4, dẫn đến She M không có hàng để cung cấp cho H5 theo hợp đồng đã ký kết.

Mặc dù không giao được hàng như cam kết (từ 13-14 ngày sau khi nhận cọc) nhưng Đỗ Thị Thu M, Nguyễn Nam H khai việc không hoàn lại tiền cọc cho H5 là do phía Homes đã vi phạm hợp đồng về điều khoản bảo mật thông tin,

khi đã gửi đơn tố cáo Công ty S đến cơ quan chức năng, trong khi hợp đồng đang thực hiện. M, H cho rằng với việc tố cáo H và M đến cơ quan chức năng, H5 đã gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho She M4. H và M mong muốn đưa sự việc để giải quyết tại tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự về tranh chấp vi phạm hợp đồng.

- Nguyễn Quang T1 khai: Công ty S là công ty G do bà Đỗ Thị Thu M làm giám đốc, đại diện theo pháp luật, nhưng Nguyễn Nam H là người điều hành hoạt động của công ty. T1 được Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M tuyển dụng làm Giám đốc kinh doanh, phát triển thị trường của She M4. T1 là người soạn thảo nội dung các email để trao đổi đàm phán với phía ông K2 và H5 trong việc ký hợp đồng SHEMEDICAL-120620-1. Nội dung trao đổi, đàm phán với phía Công ty B, T1 đều bàn bạc, trao đổi với Nguyễn Nam H và được H chỉnh sửa trước khi gửi email thương thảo hợp đồng đến ông K2 và đại diện của H5. T1 thừa nhận, chưa làm việc với đại diện của Công ty CP V, chỉ làm việc với các cá nhân tự giới thiệu là đại lý, nhà phân phối của Công ty CP V nhưng thông tin nhân thân các cá nhân này, T1 không nhớ, không còn lưu giữ lại. Trong đó T1 nhớ có làm việc với một người tên H4, hứa giúp She M4 có thể tiếp xúc, mua được găng tay của Công ty CP V. Ngày 19/06/2020, nhận chỉ đạo từ H, T1 sử dụng tư cách pháp nhân Công ty S, thảo email gửi đến Công ty CP V để đặt mua 100.000 thùng găng tay y tế để cung cấp cho H5, tuy nhiên She Medical chỉ nhận lại được email trả lời tự động, xác nhận việc email đã được gửi tới email của Công ty CP V và không nhận được phản hồi về việc mua găng tay. T1 tiếp tục được H giao liên hệ với các đối tác trên thị trường có khả năng cung ứng găng tay để cung cấp cho H5. Tuy nhiên, chỉ có Công ty TNHH L3 đồng ý ký hợp đồng cung cấp găng tay cho She M4, nhưng sau khi ký hợp đồng Công ty TNHH L3 cũng không có găng tay để cung cấp cho She M4 như hợp đồng đã ký kết. Đến tháng 8/2020, T1 nghỉ việc, She M4 cũng không giao được hàng cho Công ty B như hợp đồng đã ký kết.

- Tiến hành đối chất giữa bị can Nguyễn Quang T1 với bị can Nguyễn Nam H. Kết quả đối chất xác định:

Quá trình làm việc tại S, H giữ chức vụ Giám đốc điều hành, T1 giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh, hàng ngày H là người chỉ đạo, phân công nhiệm vụ để T1 thực hiện. Liên quan đến hợp đồng mua bán găng tay giữa H5 và S, T1 được H giao nhiệm vụ đàm phán các điều khoản hợp đồng giữa 02 bên thông qua ông K2 (quốc tịch Nhật Bản) – đại diện bên bảo lãnh thực hiện hợp đồng trên. Đồng

thời, T1 cùng với H tìm kiếm các nguồn hàng để cung cấp cho H5. Quá trình đàm phán, trước khi đưa ra các thông tin chính thức với H5, T1 đều bàn bạc với H để thống nhất nội dung, trước khi gửi ý kiến đến đại diện của H5.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng T1 nhận từ M, H khai đây là số tiền H cho T1 tạm ứng để giải quyết việc cá nhân, không liên quan đến hợp đồng mua bán giữa She M4 và H5. Tại phiên tòa, T1 khai nhận số tiền này là tiền hưởng lợi ứng trước từ hợp đồng mua bán găng tay y tế của Công ty B.

- Ông Vòng M3 - Giám đốc Công ty L4 khai: Công ty L4 và cá nhân Vòng M3 không có nguồn hàng là găng tay y tế do Công ty CP V sản xuất. Qua mối quan hệ xã hội, M3 gặp người phụ nữ tên H2 và người tên T6 cho biết có sẵn nguồn hàng là găng tay y tế do Công ty CP V sản xuất. Tuy nhiên H2 và T6 không có pháp nhân doanh nghiệp để thực hiện ký hợp đồng, do đó hai cá nhân trên muốn nhờ Vòng M3 sử dụng pháp nhân Công ty L4 để ký hợp đồng bán găng tay cho She M4. Ngày 23/06/2020, tại trụ sở Công ty S, Vòng M3 đã gặp Nguyễn Nam H, Đỗ Thị Thu M và Nguyễn Quang T1, để đàm phán hợp đồng mua bán găng tay y tế. Đến ngày 25/06/2020, hai bên thực hiện ký hợp đồng số 25062020-01/LMG-SHE, nội dung hợp đồng Công ty TNHH L3 bán cho Công ty TNHH S số lượng 15.000 thùng găng tay y tế nhãn hiệu VGlove Nitrile không bột do Công ty CP V sản xuất với đơn giá 1.550.000 đồng/thùng, tổng giá trị hợp đồng 23.250.000.000 đồng, địa điểm giao hàng tại Kho của Công ty CP V, thời gian giao hàng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, phương thức thanh toán phía She Medical thực hiện bảo lãnh thanh toán 100% giá trị hợp đồng. Trách nhiệm giao hàng do H2 và T6 thực hiện. Tuy nhiên, đến thời hạn giao hàng, do không nhận được tiền cọc của S chuyển, nên T6 và H2 không thể chuyển tiền cọc cho nhà máy của Công ty CP V nên không có hàng là găng tay để giao cho She M4 như hợp đồng đã ký.

- Bà Trần Thị Thu H4 khai: Vào khoảng tháng 4/2020 khi thời điểm dịch Covid-19 bùng phát, H4 tham gia vào thị trường mua bán và môi giới găng tay, khẩu trang và quen biết Nguyễn Quang T1, khi đó T1 tự giới thiệu là Giám đốc phát triển thị trường của She M4.

Đến tháng 6/2020, T1 nhờ H4 hỗ trợ tìm kiếm nguồn hàng là găng tay do Công ty CP V sản xuất. Thông qua mối quan hệ cá nhân, H4 liên hệ và người bạn tên N môi giới sang nhượng lại hợp đồng của một doanh nghiệp đã ký trực tiếp với Nhà máy Khải Hoàn cho She M4. H4 trao đổi với T1 về nguồn hàng từ N và nêu điều kiện đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng, để được giữ giá trước khi ký hợp

đồng mua bán chính thức. T1 đồng ý điều kiện H4 đưa ra, ngày 12/06/2020, T1 đề nghị Đỗ Thị Thu M chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của H4 mở tại Ngân hàng V4 để đặt cọc giữ giá mua găng tay. Việc đặt cọc giữ giá chỉ có thời hạn trong 01 ngày, đến ngày 13/06/2020, T1 không liên hệ với N để ký hợp đồng và đề nghị H4 đàm phán lùi ngày ký hợp đồng, nhưng không được N đồng ý, theo thỏa thuận, T1 bị mất số tiền cọc 50.000.000 đồng đã đặt trước đó.

Kết quả ghi lời khai các cá nhân liên quan: ông Võ Thành Đ, bà Trần Bích T5, ông K2, ông Nguyễn Hoàng T2 – Đại diện ủy quyền của Công ty B tại Việt Nam phù hợp với nội dung Công ty S đàm phán, ký hợp đồng mua bán với Công ty B theo nội dung vụ án nêu trên.

Xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H, xác định: Công ty S, mã số doanh nghiệp C7, đăng ký lần đầu ngày 16/04/2014, thay đổi lần thứ 12 ngày 20/11/2020, địa chỉ đăng ký hoạt động tại: D H, Phường A, Quận P. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng, do 02 thành viên góp vốn là Đỗ Thị Thu M – Giám đốc, đại diện theo pháp luật, góp 1.400.000.000 đồng, Nguyễn Nam H góp 600.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh buôn bán mỹ phẩm, hàng may mặc, giày dép… Ngày 21/04/2020, Công ty S đăng ký thay đổi trụ sở đến địa chỉ căn hộ: 702A Tầng G, Tòa nhà C N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng). Ngày 28/8/2020, Công ty S tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng).

Xác minh tại Công ty CP V, xác định: Công ty CP V không có quan hệ kinh doanh, không hứa hẹn, không xác nhận mua bán hoặc cung cấp găng tay y tế với Công ty S. Đến thời điểm hiện tại, Công ty CP V và hệ thống đại lý ủy quyền chưa thương thảo, thỏa thuận để ký kết hợp đồng mua găng tay với Công ty S hoặc các cá nhân Đỗ Thị Thu M, Nguyễn Nam H, Nguyễn Quang T1.

Xác minh tại Chi cục thuế quận P, xác định: Từ khi thành lập đến năm 2020, Công ty S hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực buôn bán mỹ phẩm, dịch vụ làm đẹp (spa), kinh doanh máy móc, thiết bị y tế, thuốc tân dược và thực phẩm chức năng. Doanh số bán hàng của công ty hàng năm dao động từ 1 đến 2 tỷ đồng, tuy nhiên kết quả hoạt động kinh doanh chủ yếu thua lỗ, hiện số lỗ lũy kế trên sổ sách là 5.617.164.125 đồng.

Xác minh tại Kho bạc Nhà nước quận P, được biết: trong thời gian hoạt động, Công ty S chỉ phát sinh nghĩa vụ nộp thuế môn bài với mức đóng từ 1- 3

triệu đồng/năm. Tuy nhiên, đến tháng 07/2020, phát sinh khoản lệ phí trước bạ phải nộp là 218.900.000 đồng do doanh nghiệp mua xe ô tô Mercedes S450.

Xác minh tại Công an P3, quận P và kết quả làm việc với đại diện chủ căn hộ, xác định tại căn hộ số: G Tầng G, Tòa nhà C, A N, Phường H, quận P không có Công ty S thực tế hoạt động.

Xác minh tại Công an phường V, Quận C, xác định tại địa chỉ số: 3 N, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có Công ty S thực tế hoạt động, do Đỗ Thị Thu M làm Giám đốc điều hành.

Xác minh tại Công an P4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định tại địa chỉ: D N, Phường A, quận P, không có Công ty TNHH L3 hoạt động.

Xác minh tại Công an phường P, Quận A và Công an P5, quận B, xác định Nguyễn Nam H đăng ký thường trú tại địa chỉ số A N, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đỗ Thị Thu M đăng ký thường trú tại: 1 B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. M và H là vợ chồng, có 02 con chung (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015) hiện đang cư trú tại Căn hộ D Park F khu đô thị V N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: Hợp đồng mua bán (bản chính) số SHEMEDICAL-120620-1 ký ngày 12/06/2020 giữa Công ty S và H5, phục vụ giám định chữ ký của Đỗ Thị Thu M và Con dấu của Công ty S.

Thu giữ tài liệu trích xuất từ email của ông K2, bà Trần Bích T5, nội dung email ngày 23/05/2020 của Nguyễn Quang T1 gửi ông K2 và đại diện Công ty B thể hiện nội dung Công ty S khẳng định đã gặp gỡ, làm việc và được người đại diện của Công ty CP V xác nhận cung ứng số lượng 100.000 thùng găng tay y tế cho S phù hợp với nội dung email đã trích xuất, thu giữ nội dung email của Nguyễn Nam H, thu giữ từ tài liệu giao nộp của Đỗ Thị Thu M, Nguyễn Nam H là các email Nguyễn Quang T1 gửi ông K2 và đại diện Homes.

Ngày 25/3/2021, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký của Đỗ Thị Thu M và con dấu của Công ty S trên Hợp đồng số SHEMEDICAL-120620-1 và hồ sơ mở tài khoản của Công ty S tại Ngân hàng B2. Ngày 18/05/2021, Kết luận giám định số 2013/KLGĐ-TT của Phòng K4 - Công an Thành phố H, kết luận chữ ký của Đỗ Thị Thu M và con dấu của Công ty S trên Hợp đồng số SHEMEDICAL-120620-1, hồ sơ mở tài khoản ngân hàng so với chữ ký mẫu và con dấu của Công ty S do Đỗ Thị Thu M cung cấp, do cùng một người ký và cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 15/4/2022, Cơ quan điều tra đã tiến hành kê biên Căn hộ T2-B25.10 Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 61, phường T, TP ., Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Thị Thu M5 đứng tên.

Ngày 08/3/2021, Cơ quan điều tra có văn bản số 2627/PC03-Đ9, gửi Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H đề nghị tra soát thông tin tài sản là quyền sử dụng đất liên quan đến Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M. Ngày 06/5/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H có văn bản số 5069/VPĐK-LT nêu thông tin Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M sở hữu căn hộ 2B-1-1, chung cư C, thuộc thửa đất 100, tờ bản đồ số 2, đường H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận số BL 894187 cấp ngày 05/11/2012. Ngày 15/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Lệnh kê biên số 167-08B/LKB, kê biên căn hộ 2B-1-1 căn hộ nêu trên. Quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra đã xác minh tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Công an phường P, xác định căn hộ 2B-1-1, chung cư C đã được chuyển nhượng cho bà Huỳnh Vũ Thị Tú Q theo hợp đồng chuyển nhượng công chứng số 035685 ngày 23/12/2015 do Văn phòng C8 chứng nhận, được Chi nhánh Văn phòng Đ2 cập nhật chủ sở hữu cho bà Huỳnh Vũ Thị T7 Quyên theo hồ sơ số 010065CN.001 ngày 25/12/2015. Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai ông Đỗ Ngọc L1, chồng bà Huỳnh Vũ Tú Q, xác định ông L1 mua căn hộ 2B-1-1 của Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M thông qua công ty M6 bất động sản, trước đó ông bà L1, Q không có mối quan hệ gì với H và M. Để đảm bảo quyền lợi cho ông Đỗ Ngọc L1, bà Huỳnh Vũ Thị Tú Q đối với việc sở hữu tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiến hành kê biên căn hộ số 2B-1-1, chung cư C nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 255/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Nam H tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022.

2/Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Đỗ Thị Thu M 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quang T1; Trách nhiệm dân sự; Biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 04/6/2024 bị cáo Nguyễn Nam H kháng cáo cho rằng mức án tù chung thân là quá nặng và có một số tình tiết oan sai so với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo xin xem xét lại bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 07/6/2024 bị cáo Đỗ Thị Thu M kháng cáo cho rằng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không triệu tập bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm bào chữa của các luật sư nên bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Nam H, Đỗ Thị Thu M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử và bị cáo đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Quá trình điều tra, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Nguyễn Nam H tỉnh táo, vẫn có thể khai báo rõ ràng, nhưng có thái độ không hợp tác; thể hiện sự quanh co của bị cáo nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Đến nay bị cáo H và M vẫn chưa khắc phục lại số tiền thiệt hại cho phía bị hại. Bị cáo M cho rằng việc đánh giá vai trò của bị cáo là chưa đúng, nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ vai trò của bị cáo. Các bị cáo H, M kháng cáo nhưng cũng không có tình tiết gì mới để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo H, M trình bày:

Đối với kháng cáo của bị cáo H: hiện nay bị cáo H có tình trạng sức khỏe không tỉnh táo, nên việc thực hiện giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo H là

cần thiết; việc không đưa bị cáo H đi giám định là chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo M: Việc xem xét lại vai trò của bị cáo M là đúng, do sự tham gia của bị cáo M trong vụ án là hạn chế. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có nêu trong Bản án, nhưng việc đánh giá vai trò của bị cáo M là chưa được rõ ràng. Bị cáo M có công việc chính là phẫu thuật; khi có việc bị cáo M chỉ đứng ra ký tên, bị cáo không soạn hợp đồng, không biết nội dung hợp đồng và cũng không tham gia bàn bạc từ trước. Mặt khác, trong vụ án này bị cáo M và bị cáo H là vợ chồng, có 02 con nhỏ; việc hai bị cáo cùng đi chấp hành hình phạt tù, sẽ không có ai chăm sóc cho 02 con của các bị cáo; ngoài ra, gia đình bị cáo M có người có công với cách mạng và tại cấp sơ thẩm, bị cáo M đã dùng tiền của bản thân để khắc phục một phần thiệt hại cho phía bị hại; tại phiên tòa hôm nay bị cáo M cũng đã thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tỉnh tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo M.

Bị cáo M trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư. Bị cáo mong được Hội đồng xét xử xem xét lại vai trò của mình trong vụ án; bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình trong việc thực hiện các chữ ký trong hợp đồng; bị cáo không chối tội, bản thân bị cáo cũng đã dùng tiền cá nhận của mình để khắc phục cho phía bị hại; hiện nay bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H trình bày: Bị cáo không đồng ý với ý kiến của Viện kiểm sát. Bị cáo không nhớ rõ vụ việc. Hiện nay bị cáo có một người con bị bệnh, mới vừa phải đưa đi mổ tim, không biết sống chết thế nào. Vì lo lắng cho con, bị cáo không ngủ được, nên bị cáo không được tỉnh táo. Bị cáo có nhớ bị cáo có quốc tịch Úc và trước đây bị cáo đã từng bị bệnh tâm thần; nên việc đưa bị cáo đi giám định tâm thần là cần thiết, các bác sĩ trong Trại tạm giam là không có ai thuộc chuyên khoa tâm thần nên không đủ điều kiện để kết luận bệnh lý cho bị cáo. Bị cáo là người bị bệnh, việc Tòa án đưa bị cáo ra xét xử thế này là xử ép cho bị cáo, bởi bị cáo không hề lừa đảo, bị cáo có nhớ là mình có nhận tiền và có thực hiện việc đi mua hàng. Do đến nay, bị cáo không nhớ rõ vụ việc, nên bị cáo đề nghị được hoãn phiên tòa và đề nghị được thay đổi những người tiến hành tố tụng hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Nam H, Đỗ Thị Thu M làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần B có nhu cầu mua găng tay y tế cho Chính phủ Nhật Bản nên đã nhờ ông Kunihiko K2 - Giám đốc Công ty C4 tìm kiếm đối tác tại Việt Nam để mua găng tay y tế. Đến tháng 5/2020, ông K2 liên hệ với Công ty TNHH S đàm phán hợp đồng để mua bán găng tay y tế và ông K2 đã gặp gỡ ông Nguyễn Nam H, ông H cho biết Công ty S có quan hệ mua bán với Công ty V, do đó có đủ khả năng cung ứng số lượng lớn găng tay y tế V-GLOVE của Công ty V cho đối tác Nhật Bản nên ông K2 đã giới thiệu Công ty S với Công ty B.

Nguyễn Nam H là người điều hành Công ty S về mảng kinh doanh thiết bị y tế. H đã cử Nguyễn Quang T1 liên lạc với ông K2 qua thư điện tử (địa chỉ email:) để đàm phán mua bán găng tay y tế và T1 đã gửi các thư điện tử như sau:

+ "*Tới ngày 23/05/2020, SHE MEDICAL đã làm việc được với người đại diện của Công ty V và được xác nhận SHE MEDICAL có thể kí hợp đồng đặt hàng 100.000.000 chiếc găng tay y tế V-GLOVE (với số lượng từng size S-M-L như mong muốn). Tuy nhiên, SHE MEDICAL và phía Nhật cần phải đáp ứng một số điều kiện do Công ty V đưa ra".* Sau khi nhận được thư điện tử này thì đến ngày 02/6/2020, Công ty B đã chuyển số tiền 4.500 USD vào tài khoản số 0088401018678 của Công ty S, mở tại Ngân hàng TMCP B2 – Phòng giao dịch T.

+ Vào ngày 10/6/2020 thông qua Nguyễn Quang T1 gửi tiếp thư điện tử đính kèm bản scan yêu cầu chuyển tiền của Công ty S do bà Đỗ Thị Thu M ký tên, đóng dấu. Trong bản yêu cầu có nội dung: *"Theo yêu cầu của nhà sản xuất V-GLOVE, chúng tôi muốn số tiền trả trước lần 2 là 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ) vì vậy chúng tôi sẽ làm việc với nhà sản xuất để đặt trước số lượng sản phẩm và giá FOB Ho Chi Minh C3 là 59.50 USD/carton. Khách hàng đồng ý rằng nếu khách hàng không ký hợp đồng mua bán và TT 30% số tiền trả trước của hợp đồng đến 11:00AM thứ 3-16/06/2020. SHE MEDICAL sẽ không*

có trách nhiệm hoàn trả số tiền trả trước lần 02 này". Sau đó vào ngày 11/6/2020, Công ty B đã chuyển tiếp số tiền 200.000 USD vào tài khoản số 0088401018678 của Công ty S, mở tại Ngân hàng TMCP B2 – Phòng giao dịch T.

Tiếp sau đó, mặc dù không có găng tay y tế Vglove Nitrile không bột do Công ty V sản xuất và cũng chưa làm việc được với Công ty CP V nhưng vào ngày 12/6/2020, Công ty S do bà Đỗ Thị Thu M làm đại diện vẫn ký hợp đồng bán 100.000 thùng găng tay y tế Vglove Nitrile không bột do Công ty V sản xuất cho Công ty B.

Về phía Công ty B, sau khi nhận được 06 bản chính hợp đồng mua bán găng tay y tế SHEMEDICAL-120620-1, giám đốc Công ty B là ông Katsuhiko K đã ký tên đóng dấu bên mua trên hợp đồng rồi gửi lại 02 bản cho Công ty S và gửi 02 bản cho Công ty C4. Đến ngày 15/6/2020, Công ty B đã chuyển thêm số tiền 1.580.500 USD vào tài khoản của Công ty S.

Như vậy, Công ty B đã chuyển tổng số tiền 1.785.000 USD, quy đổi sang VND là 41.478.246.500 đồng (tương ứng 30% giá trị hợp đồng), nhưng đến ngày giao hàng đợt 1 (ngày 01/7/2020), Công ty S không tiến hành giao hàng, nên Công ty B đã liên hệ nhưng Nguyễn Nam H và Đỗ Thị Thu M liên tục nêu lý do khách quan để trì hoãn việc giao hàng. Sau nhiều ngày trễ hạn thực hiện hợp đồng, phía Công ty B đã yêu cầu Công ty S hoàn trả tiền đặt cọc nhưng ông H và bà M cho biết số tiền đặt cọc của Công ty B đã được dùng vào việc xúc tiến ký kết hợp đồng mua găng tay y tế với Công ty CP V, do đó không thể hoàn trả toàn bộ tiền đặt cọc cho Công ty B, chỉ có thể hoàn trả một phần nếu Công ty B tự ý chấm dứt hợp đồng.

Đến ngày 16/10/2020 Công ty B có đơn kêu cứu gửi đến Tổng bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội, Bộ trưởng Bộ C6 tại Nhật Bản. Ngày 02/11/2020, Sở Ngoại vụ Thành phố H có Công văn số 4092/SNV-LS-QHLS gửi Công an Thành phố H về việc công ty S có dấu hiệu lừa đảo. Đến ngày 20/11/2020, Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H gửi phiếu chuyển tố giác tin báo tội phạm đến Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố H.

Xác minh tài khoản của Công ty S mở tại Ngân hàng B2 đã thể hiện vào các ngày 03/6/2020, 12/6/2020, 15/6/2020 công ty S đã nhận số tiền 4.500USD, 200.000USD, 1.580.500 USD do Công ty B chuyển. Và các ngày 15/06/2020, 16/06/2020, 22/6/2020, 23/06/2020, Công ty S đã bán tổng cộng 1.758.000

USD, thu về số tiền: 40.681.620.000 đồng. Sau khi có tiền, M và H không sử dụng số tiền vào việc mua găng tay y tế để cung cấp cho Công ty B mà lại đổi tiền từ USD sang VND, chuyển khoản ra khỏi tài khoản công ty và sử dụng vào mục đích khác không liên quan đến mua bán găng tay y tế. Căn cứ các thông báo số: 168/TB-NHNN, 178/TB-NHNN, 180/TB-NHNN, của Ngân hàng N1 công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD áp dụng vào các ngày 03/06, 12/06 và 15/06/2020, thì 1.785.000USD quy đổi sang VND là: 41.478.246.500 đồng.

[3] Công ty S chưa làm việc được với nhà sản xuất găng tay y tế nhưng Nguyễn Nam H thông qua Nguyễn Quang T1 đưa ra thông tin gian dối bằng cách gửi thư điện tử (mail) có nội dung: "*Tới ngày 23/05/2020, SHE MEDICAL đã làm việc được với người đại diện của Công ty V và được xác nhận SHE MEDICAL có thể kí hợp đồng đặt hàng 100.000.000 chiếc găng tay y tế V-GLOVE (với số lượng thùng size S-M-L như mong muốn). Tuy nhiên, SHE MEDICAL và phía Nhật cần phải đáp ứng một số điều kiện do Công ty V đưa ra".* Từ đó Công ty B đã tin tưởng chuyển số tiền 4.500 USD cho Công ty S vào ngày 02/6/2020. Đến ngày 10/6/2020, Nguyễn Nam H, Đỗ Thị Thu M thông qua Nguyễn Quang T1 còn tiếp tục đưa ra thông tin gian dối bằng cách gửi thư điện tử đính kèm bản scan yêu cầu chuyển tiền của Công ty S do bà Đỗ Thị Thu M ký tên, đóng dấu, có nội dung: "*Theo yêu cầu của nhà sản xuất V-GLOVE, chúng tôi muốn số tiền trả trước lần 2 là 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ) vì vậy chúng tôi sẽ làm việc với nhà sản xuất để đặt trước số lượng sản phẩm và giá FOB Ho Chi Minh C3 là 59.50 USD/carton. Khách hàng đồng ý rằng nếu khách hàng không ký hợp đồng mua bán và TT 30% số tiền trả trước của hợp đồng đến 11:00AM thứ 3-16/06/2020. SHE MEDICAL sẽ không có trách nhiệm hoàn trả số tiền trả trước lần 02 này*". Tin tưởng Nguyễn Nam H và Công ty S đã liên hệ được với Công ty V để đặt mua găng tay y tế V-GLOVE nên Công ty B đã chuyển tiếp số tiền 200.000 USD cho Công ty S vào ngày 11/6/2020. Khi She M4 không có găng tay y tế Vglove Nitrile không bột do Công ty V sản xuất và cũng chưa làm việc được với Công ty CP V nhưng vào ngày 12/6/2020, Đỗ Thị Thu M làm đại diện She M4 vẫn ký hợp đồng bán 100.000 thùng găng tay y tế cho Công ty B để nhận tiếp số tiền 1.580.500 USD. Sau khi có 1.785.000 USD bị cáo H, bị cáo M đã không sử dụng số tiền này vào việc mua găng tay y tế mà lại quy đổi sang VND, chuyển khoản và sử dụng vào mục đích khác không liên quan đến mua bán găng tay y tế.

[4] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo H, M, T1 đã đưa ra

thông tin gian dối chiếm đoạt của Công ty B tổng số tiền 1.785.000 USD (quy đổi sang VND là 41.478.246.500 đồng) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nam H:

[5.1] Tại phiên Tòa, bị cáo H cho rằng trước đây mình bị bệnh tâm thần, hiện tại bị cáo không được tỉnh táo nên đề nghị được đưa đi giám định pháp y tâm thần, và đề nghị được thay đổi những người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1.1] Ngày 10/10/2024, bị cáo Đỗ Thị Thu M có đơn xin yêu cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Nguyễn Nam H (là chồng bị cáo M). Ngày 13/5/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần số 860/2025/QĐ-TA đối với bị cáo Nguyễn Nam H. Ngày 04/6/2025, Viện pháp y tâm thần Trung ương B4 có công văn số 366/VPYTW-KHTH ngày 04/6/2025 về việc bổ sung tài liệu thực hiện Quyết định trưng cầu giám định số 860/2025/QĐ-TA. Thực hiện nội dung công văn số 366/VPYTW-KHTH ngày 04/6/2025 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B4, ngày 04/12/2025 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 1146/CV-TA về việc yêu cầu Trại tạm giam Công an Thành phố H xác định tình trạng sức khỏe của bị cáo Nguyễn Nam H, để có cơ sở xem xét, giải quyết vụ án.

[5.1.2] Ngày 16/12/2025, Trại tạm giam Chí Hòa có công văn số 4700/PC11A-Đ1, có nội dung: *"Trong thời giam 03 tháng gần nhất, người bị tạm giam Nguyễn Nam H có diễn biến tư tưởng bình thường, chấp hành tốt nội quy cơ sở giam giữ; Hiện tại người bị tạm giam tham dự phiên tòa được, chưa ghi nhận bệnh lý thần kinh".* Kèm theo các tài liệu, chứng cứ là: Bản nhận xét về việc chấp hành nội quy của cơ sở giam giữ; Bản tường trình của 02 người bị tạm giam cùng buồng tạm giam; Báo cáo về việc liên quan đến tình trạng sức khỏe của người bị tạm giam Nguyễn Nam H ngày 16/12/2025 của Bệnh viện C9 có nội dung: *"Tăng huyết áp. Hiện tại bệnh nhân tham dự phiên tòa được, chưa ghi nhận bệnh lý thần kinh"*. Do vậy, tình trạng của bị cáo Nguyễn Nam H chưa ghi nhận bệnh lý thần kinh. Nên, việc trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Nguyễn Nam H là không cần thiết.

[5.1.3] Vì vậy, ngày 28/01/2026 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định Hủy bỏ Quyết định trưng cầu giám

định pháp y tâm thần số 163/2026/QĐ-TA.

[5.1.4] Đối với yêu cầu đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng. Xét thấy yêu cầu của bị cáo Nguyễn Nam H không thuộc các trường hợp pháp luật quy định tại các Điều 49, 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5.2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Nam H là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, được pháp luật bảo vệ, hành vi này đã gây mất trật tự trị an của xã hội nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5.3] Do đó, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo Nguyễn Nam H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Thu M:

[6.1] Tại phiên tòa, bị cáo M và Người bào chữa cho bị cáo M đề nghị xem xét lại vai trò của bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

Các bị cáo H và M là vợ chồng, đã sử dụng Công ty S để ký kết hợp đồng mua bán găng tay y tế với Công ty B và chiếm đoạt tiền của công ty B. Bị cáo H là người điều hành về lĩnh vực kinh doanh găng tay y tế; bị cáo M đại diện cho công ty S ký bản yêu cầu chuyển tiền, ký hợp đồng mua bán găng tay với Công ty B, nhận 1.785.000 USD, chuyển tiền USD sang VNĐ, rút tiền, chuyển tiền ra khỏi tài khoản của Công ty S; còn bị cáo T1 làm thuê cho bị cáo H trong mảng kinh doanh găng tay y tế, cụ thể gửi mail trao đổi với đối tác là Công ty C4 soạn thảo hợp đồng.

Do vậy, các bị cáo là đồng phạm, nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H là người điều hành nên có vai trò cao nhất; bị cáo M là vợ của bị cáo H, có phần phụ thuộc vào chồng nên có vai trò thấp hơn so với bị cáo H; còn bị cáo T1 về bản chất là người làm thuê, phụ thuộc vào người sử dụng lao động nên bị cáo T1 là người giúp sức, có vai trò hạn chế.

[6.2] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối bị cáo Đỗ Thị Thu M là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo M và bị cáo H là vợ chồng cùng phạm tội trong vụ án này, đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ (lớn sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015);

trong quá trình điều tra, bị cáo H và bị cáo M đã bồi thường cho bị hại số tiền 1.600.000.000 đồng. Do vậy, hình phạt 12 (mười hai) năm tù của bản án sơ thẩm đối với bị cáo M có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nam H; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Thu M; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Nam H phải chịu; bị cáo Đỗ Thị Thu M không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nam H, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Thu M.

2. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 255/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt;

3. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nam H, Nguyễn Quang T1 và Đỗ Thị Thu M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

3.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Nam H** tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Nam H để đảm bảo thi hành án.

3.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Đỗ Thị Thu M** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Quang T1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Nam H phải chịu 200.000 đồng. Bị cáo Đỗ Thị Thu M không phải chịu.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG công an TP.HCM;
(Tống đạt cho bị cáo)
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu